| CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH LẠNG SƠN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 05/2026/QĐ-CTUBND | *Lạng Sơn, ngày 04 tháng 11 năm 2026* |

# QUYẾT ĐỊNH
## Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 377/2026/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP và Nghị định số 178/2026/NĐ-CP;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 596/TTr-STC ngày tháng 22 tháng 10 năm 2026 về dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 3420/STP-NVI ngày 19 tháng 10 năm 2026;*

*Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 11 năm 2026 và thay thế Quyết định số 74/2025/QĐ-CTUBND ngày 20 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đảng ủy UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Báo và PTTH Lạng Sơn, Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- PCVP UBND tỉnh, phòng CM;
- Lưu: VT, KTTH(ĐTTH).

**KT. CHỦ TỊCH**
**PHÓ CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

**Đoàn Thanh Sơn**

| | |
|---|---|
| **CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LẠNG SƠN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

# QUY ĐỊNH
**Phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2026/QĐ-CTUBND ngày 04 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lạng Sơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 20 Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 377/2026/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 180/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 377/2026/NĐ-CP) và Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, Nghị định số 178/2026/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, Nghị định số 178/2026/NĐ-CP), gồm:

a) Giao tài sản bằng hiện vật;

b) Khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ;

c) Khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và tài sản khác;

d) Bán vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên;

đ) Khai thác tài sản công;

e) Thu hồi tài sản công;

g) Điều chuyển tài sản công;

h) Bán tài sản công;

i) Thanh lý tài sản công;

k) Tiêu huỷ tài sản công;

l) Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại;

m) Sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

n) Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết;

o) Phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

2. Quy định này không điều chỉnh đối với:

a) Các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

b) Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

c) Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công của Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, gồm:

a) Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh); Chi cục, tổ chức tương đương và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (sau đây gọi là đơn vị trực thuộc cấp tỉnh).

b) Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã); các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là đơn vị thuộc phạm vi quản lý).

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

## Chương II
## THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

**Điều 3. Thẩm quyền quyết định giao tài sản bằng hiện vật**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định giao tài sản bằng hiện vật có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị

mình và đơn vị trực thuộc cấp tỉnh (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định giao tài sản bằng hiện vật có nguyên giá dưới 10 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

**Điều 4. Thẩm quyền quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cho các đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ mà Nhà nước không có nhà ở công vụ để bố trí cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và đơn vị trực thuộc cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khoán kinh phí sử dụng nhà ở công vụ cho các đối tượng có tiêu chuẩn sử dụng nhà ở công vụ mà Nhà nước không có nhà ở công vụ để bố trí cho đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 5. Thẩm quyền khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị phục vụ công tác các chức danh và tài sản khác**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho các chức danh và tài sản khác thuộc phạm vi quản lý tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và đơn vị trực thuộc cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối tượng, mức khoán kinh phí sử dụng máy móc, thiết bị cho các chức danh và tài sản khác thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 6. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định khai thác tài sản công được giao quản lý, sử dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và đơn vị trực thuộc cấp tỉnh theo danh mục tài sản công quy định tại điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 14 và điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị thuộc phạm vi quản lý theo danh mục tài sản công quy định tại điểm d, điểm đ, điểm g khoản 1 Điều 14 và điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1 Điều 50 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP, Nghị định số 347/2025/NĐ-CP, Nghị định số 52/2026/NĐ-CP, Nghị định số 178/2026/NĐ-CP.

**Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

1. Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi tài sản công của đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

**Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1. Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (bao gồm cả tài sản công do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh quản lý, sử dụng); giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp xã và ngược lại (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công giữa cơ quan, tổ chức, đơn vị mình với các đơn vị trực thuộc cấp tỉnh và ngược lại; giữa các đơn vị trực thuộc cấp tỉnh với nhau.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công và bán vật tư, vật liệu thu hồi có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên**

1. Đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước:

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng của cơ quan, tổ chức mình và tài sản cố định của cơ quan, tổ chức trực thuộc (trừ xe ô tô các loại); vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công của cơ quan, tổ chức mình và của cơ quan, tổ chức trực thuộc có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công là tài sản cố định (trừ xe ô tô các loại) và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên của cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư):

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ xe ô tô các loại) và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp tỉnh.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công được giao quản lý, sử dụng (trừ xe ô tô các loại) và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công được giao quản lý, sử dụng có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên; tài sản có nguyên giá từ 250 triệu đồng

trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ xe ô tô các loại) và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công có nguyên giá từ 250 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ xe ô tô các loại) và vật tư, vật liệu thu hồi trong quá trình bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công có giá trị từ 10 triệu đồng trở lên của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1. Đối với tài sản công tại cơ quan nhà nước:

a) Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng và tài sản cố định của đơn vị trực thuộc cấp tỉnh (trừ xe ô tô các loại).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định (trừ xe ô tô các loại) của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Đối với tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư):

a) Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ xe ô tô các loại) của đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp tỉnh.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công được giao quản lý, sử dụng (trừ xe ô tô các loại); tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ xe ô tô các loại).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản công có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc tài sản có giá trị đánh giá lại từ 50 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trong trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán (trừ xe ô tô các loại) của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu huỷ tài sản công (trừ tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư)**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu huỷ tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng và tài sản cố định tại đơn vị trực thuộc cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tiêu huỷ tài sản công là tài sản cố định của đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định được giao quản lý, sử dụng và tài sản cố định tại đơn vị trực thuộc cấp tỉnh trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định xử lý tài sản công là tài sản cố định của đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp bị mất, bị huỷ hoại.

**Điều 13. Thẩm quyền quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp tỉnh để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

**Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp tỉnh vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết.

**Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý**

1. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với các dự án được giao làm chủ đầu tư hoặc tài sản phục vụ hoạt động của dự án đối với các dự án do đơn vị trực thuộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và xe ô tô các loại).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án được giao làm chủ đầu tư hoặc tài sản phục vụ hoạt động của dự án do đơn vị thuộc phạm vi quản lý làm chủ đầu tư (trừ xe ô tô các loại).

## CHƯƠNG III
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài chính chủ trì phổ biến, triển khai Quy định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo theo Quy định này và quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo thẩm quyền./.